

“Vua đến Thanh Tuyền [tên xã, tức làng Thanh Thủy về sau], trải xem hình thế, vờ các phụ lão đến dụ bảo về công việc vét sông. Phụ lão thưa rằng: “Đời xưa có ngòi lạch để phòng nắng lụt mà chứa lại hay tháo đi. Nay khai sông này, thực lợi cho nông dân lắm”. Bèn sai dinh thần Quảng Đức⁽²⁾ xem đo đường sông mà khai vét. Lại ở xã Thần Phù xây 1 cái cống có cánh cửa để ngăn nước mặn, bắt 1 vạn 3 nghìn người quân và dân làm, chi tiền là 130.400 quan, gạo cũng ngang thế. Do đẩy nước sông lưu thông, dân đều tiện lợi”.⁽³⁾ Đoạn sông An Cựu được khơi vét tính “từ bờ nam Sông Hương về đến cửa sông Lê Xá dài 1.217 trượng, 7 thước, 5 tấc”.⁽⁴⁾

Hai năm sau, công việc khơi vét dòng sông An Cựu được vua Gia Long tiếp tục thực hiện vào tháng 6 nhuận năm Bính Tý [1816]. Vua “phát dân dinh Quảng Đức [từ năm 1822 đổi thành phủ Thừa Thiên] vét sông từ xã Chiết Bi đến xã Vinh Vệ [là một đoạn sông Lợi Nông về sau]. Sai chi tiền gạo cấp cho”.⁽⁵⁾

Việc khơi vét sông An Cựu của vua Gia Long đã đem lại lợi ích căn bản lâu dài về sau cho nhân dân trên những đồng ruộng rộng lớn ở các huyện Hương Thủy, Phú Vang, Phú Lộc; đồng thời cho phép ghe thuyền vận tải thực hiện thuận lợi việc giao thông thủy nội địa từ phía nam Kinh thành Huế về vùng đầm phá Hà Trung - Cầu Hai.

Có thể lấy hai trường hợp nổi tiếng được ghi chép trong sách vở ở hai mốc thời gian trước và sau khi vua Gia Long cho vét sông An Cựu để minh họa cho sự thuận lợi về giao thông thủy này:

Vào giữa thế kỷ XVIII, khi thương nhân người Pháp là Pierre Poivre rời thủ phủ Phú Xuân - Huế đi vào Hội An ngày 13/12/1749, ông phải đi thuyền xuôi theo dòng Hương về phá Tam Giang, qua các đầm Thanh Lam, Hà Trung để về Cầu Hai rồi đi tiếp theo đường bộ.⁽⁶⁾

Ngược lại, vào đầu thế kỷ XIX, sau khi vua Gia Long cho khơi vét lòng sông, trong chuyến Thuyền trưởng Rey của tàu Henry đi cùng Philippe Vannier và phái đoàn khoảng 200 người từ kinh đô Huế vào Đà Nẵng để đưa gia đình Jean-Baptiste Chaigneau xuống tàu về Pháp ngày 04/11/1819, họ đã xuôi thuyền theo sông An Cựu đi về đầm Cầu Hai mà không cần dùng đường Sông Hương nữa, bởi ngả sông An Cựu ngắn hơn rất nhiều và đã thông đường nước.⁽⁷⁾

Quyết định vét sông An Cựu của vua Gia Long thực sự tạo nên những thay đổi lớn cả về sản xuất nông nghiệp lẫn giao thông thủy, nên về sau, vào tháng 2 năm Mậu Tý [1828], vua Minh Mạng đã hết lời ca ngợi với triều thần rằng: “Trước Hoàng khảo Thế Tổ Cao Hoàng Đế ta bỏ vài vạn bạc đào con sông này, làm lợi cho dân mãi mãi. Mới biết thánh nhân lưu ơn muôn đời to như thế đấy”.⁽⁸⁾

Sông An Cựu được khơi thông xuống tận đầm phá đã đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho việc tưới tiêu, phục vụ phát triển nông nghiệp và giao thông thủy trên địa bàn rộng lớn ở nam Kinh thành Huế, nên vào tháng 2 năm Tân Ty, Minh

Mạng thứ 2 [1821], sông An Cựu được đổi tên là sông Lợi Nông. “Vua (Minh Mạng) xem bản đồ Kinh thành, bảo thị thần rằng: “Tiên đế (Gia Long) khai con sông này là lợi muôn đời cho nông dân”. Bèn đặt tên là sông Lợi Nông. Sai dựng kệ đá ở trên dưới cửa sông để ghi nhớ”.⁽⁹⁾



Ảnh 2: Chân dung vua Minh Mạng do John Crawfurd họa những năm 1820. (Nguồn: John Crawfurd, *Journal of an embassy from the Governor-general of India to the courts of Siam and Cochinchina*, Second Edition, Vol. II, Henry Colburn and Richard Bentley, London, 1830, p. 314).

khen, chính vì nghĩ đến nhà nông suốt quanh năm cần khổ, nếu không được mùa thì không khỏi đói rét vậy”.⁽¹⁰⁾

Trong 21 năm điều hành việc nước, vua Minh Mạng đã có 18 cuộc tuần du trên sông An Cựu/Lợi Nông để thị sát thủy đạo này và trực tiếp nắm bắt tình hình mùa vụ của nông dân ở lưu vực con sông; cách 6 tháng trước khi băng hà, vua Minh Mạng vẫn còn thực hiện chuyến đi dài trên sông Lợi Nông về đến sát cửa Tur Hiền. Những chuyến tuần du sông Lợi Nông của vua Minh Mạng diễn ra vào tháng 2 năm Tân Tỵ [1821], tháng 2 năm Mậu Tý [1828], tháng 11 năm Kỷ Sửu [1829], tháng 8 năm Tân Mão [1831], tháng 11 năm Tân Mão [1831], tháng 6 năm Nhâm Thìn [1832], tháng 12 năm Nhâm Thìn [đầu năm 1833], tháng 2 năm Giáp Ngọ [1834], tháng 10 năm Giáp Ngọ [1834], tháng 12 năm Giáp Ngọ [đầu năm 1835],

Nhân chuyện đổi tên sông An Cựu thành sông Lợi Nông, vua Minh Mạng đã vi hành để kiểm tra tác động của việc khơi sông đến tình hình sản xuất nông nghiệp của nhân dân. Vua về đến xã Thanh Thủy, triệu kỳ lão quanh vùng để hỏi chuyện mùa màng, dân “đáp rằng hiện nay lúa hơi tốt, nhưng chưa biết thu hoạch sẽ ra sao. Vua nói: “Trẫm vì dân mà lo việc nông, được mùa thì mừng, chứ không phải nhân thể mà đánh thuế nặng thêm, sao không nói thực, há không phải là phụ ý trẫm ư?” Đến xã Dã Lê lại hỏi kỳ lão. Đáp rằng: “Bọn thần tuổi quá 70, chưa từng thấy năm nào lúa tốt như ngày nay”. Vua khen là thành thực, ban cho 20 quan tiền. Chưa được bao lâu, bỗng có gió bắc. Vua triệu đình thần Quảng Đức là Ngô Bá Nhân bảo rằng: “Nay lúa mới làm đòng mà gió bắc lạnh lẽo, trẫm rất lấy làm lo. Người phải xét hỏi dân gian xem lúa ruộng có tổn hại không. Trẫm ngày đêm sốt ruột lo lắng về đó, không phải là mộ lấy tiếng

tháng Giêng năm Ất Mùi [1835], tháng 2 năm Ất Mùi [1835], tháng 7 năm Ất Mùi [1835], tháng 11 năm Ất Mùi [1835], tháng 2 năm Bính Thân [1836], tháng 8 năm Bính Thân [1836], tháng 2 năm Đinh Dậu [1837], tháng 6 năm Canh Tý [1840].⁽¹¹⁾

Ngày đêm trần trở việc nâng cao lợi ích từ sông Lợi Nông đối với sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân quanh vùng, vua Minh Mạng đã nghĩ cách đưa nước sông Lợi Nông vào sâu trong các đồng ruộng ven bờ thông qua sự kết nối dòng sông thành một hệ thống “xương cá”. Từ suy nghĩ đó, nhà vua cho vét thêm một nhánh sông bên bờ tả ngạn ở ba xã Thần Phù, Lê Xá và Văn Giang (đều thuộc huyện Hương Thủy) gồm 18 đoạn, dài hơn 471 trượng, phía trên rộng 1 trượng 5 thước, phía dưới rộng 1 trượng 3 thước⁽¹²⁾ vào tháng Giêng năm Nhâm Thìn [1832] để mở rộng địa bàn đồng ruộng được tưới tiêu từ nguồn nước sông Lợi Nông.⁽¹³⁾

Nhằm đảm bảo cho các dòng sông được thông suốt nguồn nước cung cấp đồng ruộng, tháng 7 năm Ất Mùi [1835], nhà vua còn sai Bộ Công ra quy định: “phàm các sông nhỏ và ngòi lạch, nên khơi thông đường nước, để tiện tưới ruộng, cấm dân không được be lấp”.⁽¹⁴⁾

Nhận thấy một số đầm ở hạ lưu sông Lợi Nông đã cạn dần, có thể đắp đê để mở rộng diện tích đất nông nghiệp cho dân, tháng 7 năm Mậu Tuất [1838], vua Minh Mạng cho thuê dân đắp một bờ đê nhỏ ở đầm La Bích thuộc huyện Phú Lộc, dài hơn 130 trượng, chân đê rộng 2 trượng, mặt đê rộng 1 trượng, thân đê cao 5 thước; ở đầm Tô Đà thuộc huyện Hương Thủy cũng đắp một con đê dài 70 trượng, kích cỡ cao rộng giống đê La Bích, giữa cả hai đê đều chừa cửa cống rộng 1 trượng thông với sông Lợi Nông. Hai đầm sau khi đắp đê có thể mở được hơn 400 mẫu ruộng cho dân.⁽¹⁵⁾

Mỗi lúc thời tiết trái gió trở trời, vua Minh Mạng thường hay lo lắng đến sự an nguy mùa màng của dân, nhất là ở lưu vực sông Lợi Nông. Như vào tháng Giêng năm Ất Mùi [1835], “vua cho vời Kinh doãn Vương Hữu Quang vào hỏi: “Gần đây, tạnh nắng luôn, những chân ruộng cao của dân có được nhuần thấm hay không? Lúa đã trở chưa?” Quang thưa: “Những ruộng cao trước được mưa hiện nay hãy còn nhuần thấm. Lúa tốt và những chân cấy sớm đã trở rồi”. Vua nói: “Năm nay khí xuân ấm áp, mà mùa đông năm ngoái lại nhiều mưa, ruộng nương đủ thấm thấp, chắc sẽ được mùa. Lại nghe nói những ruộng cho tá canh ở trong dân gian trước kia giá hạ, nay giá cao. Đó cũng vì hằng năm được mùa luôn, dân càng chăm cày cấy, nên giá ruộng đất đắt lên thôi. Nhân nghĩ đến trước kia Hoàng khảo ta khai sông Lợi Nông để tiện lấy nước vào ruộng, cho nên hạn, lụt cũng không lo, thường thường được mùa, thực là cái lợi nghìn muôn năm. Hôm nọ, ta đi thuyền qua cảng, đạo Phú Lương, đã dụ sai khơi thông không để nghẽn lấp. Đó cũng là một việc cần làm để lợi cho nghề nông”.⁽¹⁶⁾

Sự thông suốt và tiện lợi của con đường sông An Cựu/Lợi Nông về đầm Cầu Hai dưới thời Minh Mạng tiếp tục được chứng thực bởi chuyến đi ngày 17/10/1822 của nhà du hành John Crawford người Anh từ Huế đi Đà Nẵng cũng bằng lối sông này và chỉ mất khoảng 4 tiếng.⁽¹⁷⁾

Tâm tình của vua Minh Mạng dành cho dòng sông Lợi Nông và những lợi ích của nó đối với việc nông cơ của người dân vô cùng sâu sắc. Như vào tháng 2 năm Ất Mùi [1835], nhân dịp đi chơi thuyền trên sông Lợi Nông, vua đi ngang qua cánh đồng huyện Hương Thủy “thấy lúa xanh tốt, làm bài thơ đề ghi nỗi mừng”.⁽¹⁸⁾ Thơ rằng:

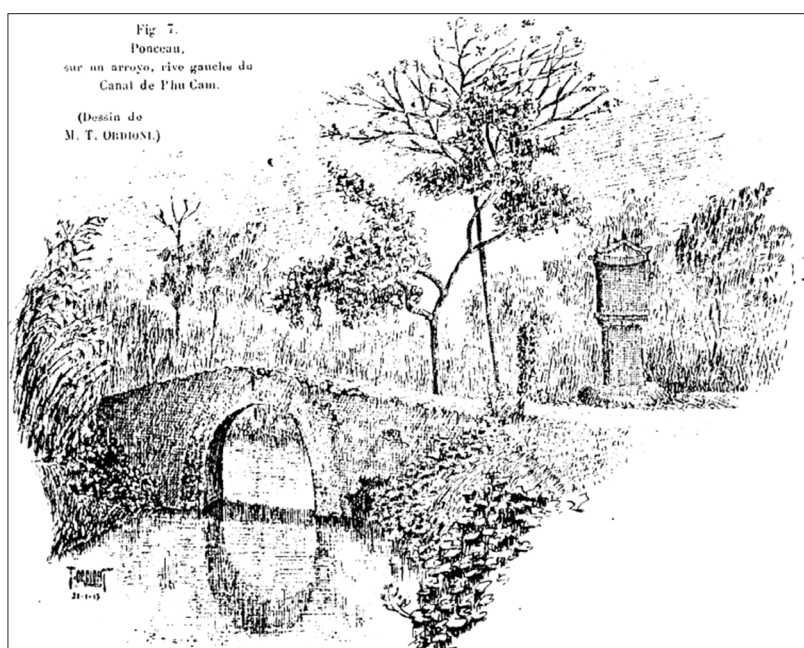
*“Hoàng vân biến tứ dã
Ngọc lập mãn thiên trù
Ký toại thương sương vọng
Vô ngu kiết cử sầu
Dân thuần thiếu đạo tặc
Tuế nãi lạc âu ca”.*

(Dịch nghĩa: “Mây vàng trải khắp bốn phía cánh đồng. Lúa đầy tràn khắp ngàn mẫu ruộng. Đã toại lòng mong mỗi lúa đầy kho vựa. Nỗi buồn lo nay không còn nữa. Dân thuần lương nên ít trộm cắp. Năm được mùa dân hoan ca”).⁽¹⁹⁾

Liên quan đến các công trình và cảnh quan ở đôi bờ sông Lợi Nông, vua Minh Mạng cũng đã để lại nhiều dấu ấn đậm nét. Nhà vua đã quyết định thay thế các cầu gỗ bắc qua những ngòi lạch chảy ra sông Lợi Nông phục vụ việc đi lại của nhân dân ở hai bên bờ sông bằng 24 cống đá mang tính bền vững hơn vào tháng 10 năm Canh Dần [1830].⁽²⁰⁾

Tháng 5 năm Ất Mùi [1835], vua Minh Mạng sai phủ Thừa Thiên thuê dân dựng Nam, Bắc Trường đình để làm chỗ đưa đón, tiễn tặng khách lui tới chốn kinh kỳ. Nam Trường đình đặt ở phía nam cầu An Cựu (Bắc Trường đình ở phía bắc cầu Hương Trà, ngoài cửa Tây-Bắc của Kinh Thành). Nam Trường đình bên sông Lợi Nông gồm 1 tòa 7 gian, dài 5 trượng 9 thước 5 tấc, ngang 2 trượng 7 thước, xung quanh đình trồng nhiều dương liễu để phù hợp với ý cổ nhân. Quy định từ đó trở đi, “phàm các đại viên bá mạng để đi đến lỵ sở cùng những khi được triệu về Kinh, các sứ thần, lúc đi, lúc về và các tướng võ khi bất kỳ vâng lệnh đi đánh giặc, hay khi rút quân khỏi hoàn, đi qua đình ấy đều tạm đóng lại. Nếu được đặc chỉ sai quan đưa đón khoản đãi úy lạo, thì cũng lấy đây làm định sở, để trọng sự thể và đẹp quan chiêm”.⁽²¹⁾

Không chỉ vậy, trước đó mỗi khi đi làm lễ tế trời ở đàn Nam Giao hằng năm, vua ngự giá qua Sông Hương, qua bờ sông Lợi Nông đều dùng cầu phao. Đến tháng 2 năm Bính Thân [1836], vua sai Thống chế Hồ Văn Khuê đem quân khơi



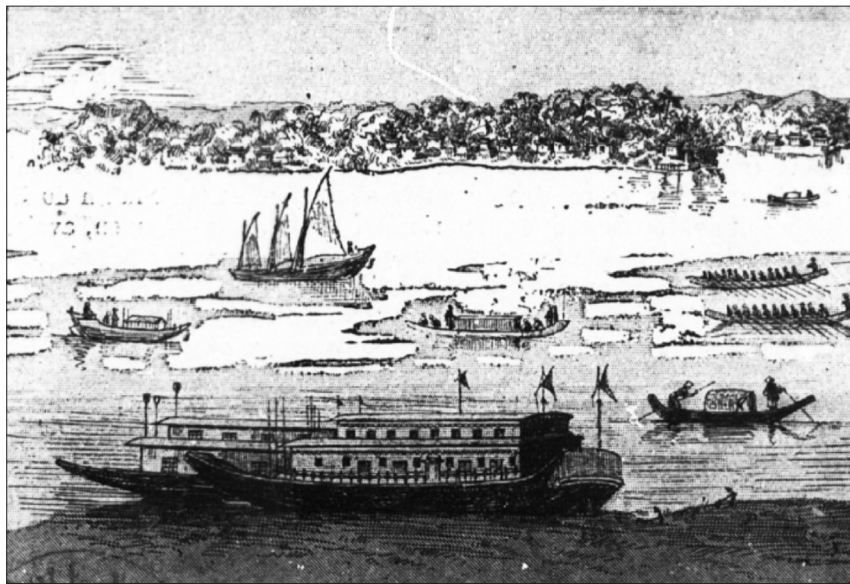
Ảnh 3: Một chiếc cổng đá bên bờ tả ngạn sông An Cựu được xây dựng năm 1830 thời vua Minh Mạng, nằm trên tuyến đường Phan Đình Phùng hiện nay, theo minh họa của M. T. Ordion. (Nguồn: H. Délétie, "Ponts, pagodes et pagodons", BAVH, N°2, 1922, p. 137).

vét cửa sông Lợi Nông (ở Cửa Khâu giáp Sông Hương), lại xây bậc thêm ở bờ phía nam bến Dương Xuân để tiện lên bộ; và quy định bắt đầu từ đây mỗi khi đến kỳ tế Nam Giao, thì trước một ngày, vua ngự thuyền lầu Vĩnh Ninh, theo đường Sông Hương vào sông Lợi Nông đến bến đò Dương Xuân rồi lên bộ để đến Trai Cung, không làm cầu phao gây phiền toái và vất vả nữa.⁽²²⁾ Bến đò Dương Xuân bên hữu ngạn sông Lợi Nông khang trang từ đó.

Đối với con đường từ bờ sông Lợi Nông (đoạn thuộc xã An Cựu) đi lên núi Ngự Bình, vua Minh Mạng cho rằng núi ấy là nơi thắng cảnh ở kinh kỳ, từ trước tới nay chưa từng sửa sang, cây cỏ um tùm, đường sá rậm rạp, nên vào tháng 3 năm Mậu Tuất [1838], nhà vua "phái ra 500 biên binh, cứ theo đường từ bờ sông Lợi Nông chạy dài đến chân núi, tùy thế sửa sang, chỗ rậm rạp thì cắt bỏ đi, chỗ gập ghềnh thì san bằng phẳng, rồi ở bên sông thì xây bậc đá, khe nhỏ thì bắc cầu ván gỗ, hai bên đường từ chân núi đến đỉnh núi thì trồng hoa cỏ để tỏ làm nơi danh thắng".⁽²³⁾

Do thường xuyên tuần du trên sông Lợi Nông từ Huế về phá Hà Trung - đầm Cầu Hai, nên vào năm Bính Thân [1836], vua Minh Mạng cho dựng hành cung Thuận Trục ở xã Hà Trung, nhà ba gian hai chái, lợp bằng ngói âm dương để nghỉ đêm.⁽²⁴⁾

Đến tháng 2 năm Kỷ Hợi [1839], vua Minh Mạng sai thự Thống chế Trần Hữu Thắng trông coi công việc xây dựng hành cung ở xã Thần Phù (thuộc huyện Hương Thủy) bên bờ hữu ngạn sông Lợi Nông, để làm chỗ vua ngự khi đi tuần.⁽²⁵⁾



Ảnh 4: Thuyền hoàng gia và thuyền hộ tổng từ Sông Hương chuẩn bị tiến qua Cửa Khâu bờ hữu ngạn [góc phải trên] để vào sông An Cựu cuối thế kỷ XIX.
(Nguồn: Frédéric Baille, *Les Annamites*, Plon, Paris, 1898, p. 1).

Nguyên từ đầu triều Minh Mạng, nơi đây đã được dựng hành cung tạm thời bằng tranh tre phòng khi vua tuần du, nhưng cứ đến mùa mưa lụt thì bị hỏng, đến lúc này chuyển sang làm kiên cố.⁽²⁶⁾ Hành cung Thần Phù gồm một tòa nhà ba gian hai chái lợp bằng ngói âm dương, bốn phía xung quanh xây tường gạch, phía trước và hai bên tả hữu đều mở một cửa; mặt sau có một dãy hành lang, một tòa nhà sàn dựng trên mặt nước đều năm gian hai chái lợp bằng ngói phẳng. Lại làm một tòa nhà cỏ tranh ba gian hai chái để làm chỗ quan viên đi theo hầu nghỉ ngơi.⁽²⁷⁾

Phía đông bắc hành cung Thần Phù có rừng và chằm nước, chim tụ tập hàng đàn, nên mỗi khi xa giá vua đến xem tình hình lúa má của nông dân thường nhân dịp tổ chức thi bắn chim. Khu vực này dân địa phương thường gọi là lùm Chánh Đông, theo tên giáp Chánh Đông của làng Thần Phù, và đi vào văn chương dưới tên gọi Đông Lâm (rừng ở phía đông).

Về sau, thấy rằng mỗi lần đi tuần về đến cửa sông Lợi Nông giáp phá Hà Trung đều phải tạm làm một sở nhà, khi về lại dỡ đi, chỗ đất lại chật hẹp; nên vào tháng 2 năm Canh Tý [1840], vua Minh Mạng cho người chọn chỗ đất thông thoáng, làm lại hành cung Thuận Trực (ở bờ hữu ngạn sông Lợi Nông thuộc địa phận xã Hà Trung, huyện Phú Vang), với một toà nhà ngói làm nơi trú tất [chỗ vua đóng lại], cử thự Thống chế là Trần Hữu Lễ đốc coi công việc.⁽²⁸⁾ Tòa hành cung Thuận Trực mới dựng lại gồm ba gian hai chái lợp ngói âm dương, xà và cột nhà đều dùng loại gỗ thiết, những bộ phận còn lại được làm bằng các loại gỗ bền rắn có tiếng và gỗ có sắc hồng.⁽²⁹⁾

Trong các chuyến tuần du đường sông Lợi Nông về phá Hà Trung, núi Thúy Ba [Thúy Vân] hay các vùng phụ cận, mỗi chuyến đi vua Minh Mạng thường chỉ lấy thêm một hoặc hai đại thần ở ban võ đi theo đoàn xa giá để hộ tống. Từ tháng 6 năm Kỷ Hợi [1839], vua Minh Mạng bắt đầu đặt ra Hành dinh để chuẩn hóa đội ngũ quan lại đại thần văn võ đi theo khi được điều động. Vua sai khắc hai chiếc kim bài, phía trên đều khắc ngang hai chữ “Hành dinh”, phía dưới thì một chiếc khắc dọc ba chữ “Văn đại thần”, một chiếc khắc dọc ba chữ “Võ đại thần”. Trước chuyến tuần du một ngày, Bộ Lại và Bộ Binh lập bản kê danh sách các quan văn võ từ nhị phẩm trở lên để nộp, nhà vua sẽ tự chọn lấy hai viên trong danh sách đó, một văn một võ. Hai quan đại thần được điều động sẽ mang kim bài Hành dinh, và mọi việc trong hành trình tuần du ấy, nên đi nên dừng ở đâu, đều do hai viên quan ấy ấn định. Vua Minh Mạng còn lệnh cho vệ Thủy sư đóng 2 chiếc thuyền, để khi tuần du thì một chiếc cấp cho hai quan đại thần ở Hành dinh, một chiếc cấp cho các Thủy sư Đề đốc, Hiệp lý hộ tống, cuối mỗi thuyền đều có cấm cờ hiệu.⁽³⁰⁾



Ảnh 5: Hình ảnh Lợi Nông Hà (利農河), tức sông An Cựu được khắc trên Chương đỉnh (Ảnh TT).

Sự quan tâm và gắn bó của vua Minh Mạng với dòng sông An Cựu/Lợi Nông còn được thể hiện sâu sắc và dài lâu hơn cả khi hình ảnh và cái tên Lợi Nông Hà (利農河) được khắc trên Chương đỉnh trong bộ Cửu đỉnh được triều Nguyễn đặt chính thức trước sân Thế Miếu vào ngày Quý Mão, tháng Giêng năm Đinh Dậu [01/3/1837].⁽³¹⁾

Kế nhiệm Minh Mạng, mặc dù chỉ ở trên ngai vàng 7 năm, nhưng vua Thiệu Trị cũng có đến 4 chuyến tuần du trên sông Lợi Nông, đó là vào tháng Giêng năm Quý Mão [1843], tháng Giêng năm Giáp Thìn [1844], tháng 11 năm Giáp Thìn [1844], tháng 2 năm Bính Ngọ [1846].⁽³²⁾ Đặc biệt, trong chuyến tuần du sông Lợi

Nông tháng 11 năm Giáp Thìn [1844], nhà vua gặp một phen hết sức gian nan do dùng thuyền ngự nhỏ để đi bắn chim, gặp lúc trời mưa phải trở về hành cung nhưng “loan giá, kiệu, lọng đón chực không kịp, vua giẫm mưa đi bộ, chiều mới quay bánh lái về: nước chảy xiết, gió thổi mạnh. Lái thuyền khiến bánh lái không được nhanh nhẹn, thuyền ngự loanh quanh đi rất lâu”.⁽³³⁾

Vua Thiệu Trị cũng đóng góp công sức vào việc duy trì sự thông suốt của dòng sông Lợi Nông thông qua việc sai quan phủ Thừa Thiên thuê dân khơi vét sông Lợi Nông vào tháng 3 năm Ất Tỵ [1845].⁽³⁴⁾ Nhà vua còn cho đổi tên hành cung Thần Phù thành hành cung Lợi Nông vào tháng Giêng năm Quý Mão [1843].⁽³⁵⁾ Cũng trong năm đó, vua Thiệu Trị khi qua hành cung Thần Phù và rừng Đông Lâm đã làm một bài thơ có nhan đề là “Đông Lâm đặc điệu” (bắn chim ở rừng Đông Lâm) mô tả cảnh này. Đông Lâm được nhà vua xếp vào một trong 20 thắng cảnh đất kinh đô, gọi là “Thần kinh nhị thập cảnh”, có khắc bia và dựng nhà bia ở đó.⁽³⁶⁾ Nhà vua còn đặt tên nhà sàn hóng mát ở sau hành cung Lợi Nông là nhà hạ Thanh Quang vào tháng Giêng năm Giáp Thìn [1844].⁽³⁷⁾

Lên thay vua cha Thiệu Trị từ cuối năm 1847, trong bối cảnh các nước phương Tây liên tục gây hấn rồi tiến hành xâm lược Việt Nam ở Đà Nẵng và Nam Kỳ, nội tình hoàng tộc cùng việc triều chính có lắm điều phức tạp; nhưng trong 36 năm trị vì, vua Tự Đức cũng rất nhiều lần tổ chức các chuyến tuần du trên sông Lợi Nông, đi săn bắn hoặc tìm kiếm những phút giây thư giãn ở vùng cửa sông giáp phá Hà Trung. Thậm chí, 3 tháng trước khi băng hà, vào tháng 4 năm Quý Mùi [1883], vua Tự Đức vẫn còn thực hiện chuyến đi chơi trên sông Lợi Nông.⁽³⁸⁾

Nổi gót các vua tiền nhiệm, vua Tự Đức cũng rất quan tâm giữ gìn sự thông suốt của dòng sông Lợi Nông để đảm bảo việc lưu thông thuyền bè và tưới tiêu đồng ruộng. Tháng 3 năm Bính Thìn [1856], khi mùa vụ vừa xong, vua Tự Đức cho thuê dân đào vét lòng sông Lợi Nông từ cửa sông đến hành cung, “cộng có 6 đoạn, cho khởi bồi cạn, để thuyền bè được thông đồng”.⁽³⁹⁾

Việc đảm bảo đường sông này được thông suốt thường xuyên và đạt tiện ích lớn về giao thông của dòng sông Lợi Nông thời vua Tự Đức tiếp tục được thể hiện qua chuyến đi của thuyền trưởng Dutreuil de Rhins từ Đà Nẵng ra kinh đô để đảm nhận việc điều khiển chiếc tàu hơi nước Scorpion cho triều đình Huế. Đó là sau khi vượt qua Hải Vân rồi Phú Gia, ông cũng dùng thuyền từ đầm Cầu Hai vào cửa sông Lợi Nông tại Cống Quan và cập bến ở bến đò chợ An Cựu vào ngày 09/10/1876.⁽⁴⁰⁾

Việc nạo vét các nhánh sông thông với sông Lợi Nông cũng được ưu tiên dưới triều Tự Đức. Tháng 2 năm Giáp Tý [1864], dân ở các xã An Lưu, Sư Lễ thuộc phủ Thừa Thiên xin khai vét dòng sông để tiện việc lấy nước tưới ruộng và thông việc vận tải từ xã An Lưu đến sông Lợi Nông, vua liền chấp thuận.⁽⁴¹⁾ Tháng 3



Ảnh 6: Chân dung vua Tự Đức.
(Nguồn: Léon Xavier Girod, *Souvenirs franco-tonkinois: 1879-1886*, Desclée - de Brouwer et C^{ie}, Paris, 1903, p. 185).

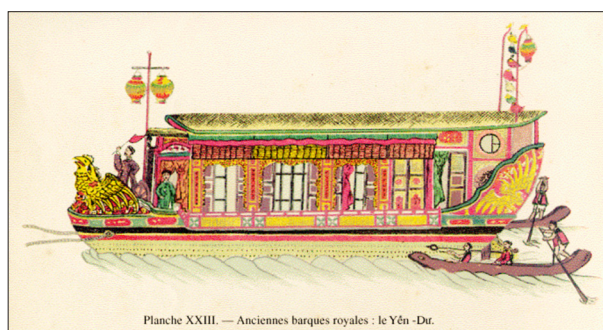
năm Đinh Mão [1867], triều đình lại điều nhân lực triển khai nạo vét các cửa cống Lợi Nông và Thuận Trục thuộc địa phận xã Nghi Giang để thông đường nước.⁽⁴²⁾

Thậm chí, do thường xuyên đi lại trên sông Lợi Nông về hành cung Thuận Trục giáp phá Hà Trung, vua Tự Đức thấy đoạn sông Lợi Nông đi qua hai giáp Thanh Thủy Chánh và Thanh Thủy Thượng bị nước nông, nên vào tháng 3 năm Tân Tỵ [1881] đã đặc cách cho dân hai giáp ấy miễn trừ việc sưu dịch để chuyên lo việc khơi vét lòng sông.⁽⁴³⁾

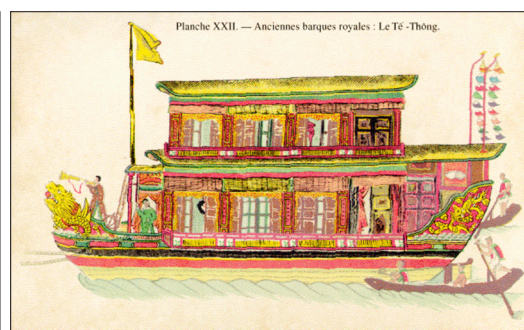
Thời Tự Đức, các công trình ven sông Lợi Nông cũng có thêm những sửa sang mới. Tháng 3 năm Bính Thìn [1856], vua Tự Đức sai đặt thêm sở thuyền cho thuyền của Thái hậu tạm nghỉ ở hành cung Thuận Trục bên bờ sông Lợi Nông, phòng những lúc có Thái hậu đi cùng.⁽⁴⁴⁾ Đến tháng 11 năm Bính Thìn [1856], nhà vua cho làm lại hai hành cung Lợi Nông và Thuận Trục.⁽⁴⁵⁾

Là người có nhiều cảm xúc và thích thơ văn, trong lần vua Tự Đức đi chơi hành cung ở sông Lợi Nông vào tháng 12 năm Canh Ngọ [đầu năm 1871] để “xem cấy lúa và tập võ, đi qua sông Phù Bài [sau bị gọi chệch thành Phú Bài], chợt thấy trẻ chăn trâu, nhân làm một bài ca mục đồng, ban cho quan Kinh doãn, khuyên về ý chăn nuôi dân, trừ kẻ gian giảo”.⁽⁴⁶⁾

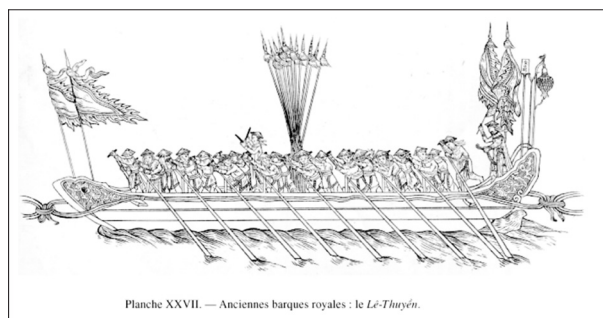
Những lần vi hành của vua Tự Đức trên dòng sông Lợi Nông về hành cung Thuận Trục ở Hà Trung diễn ra thường xuyên, lắm lúc nhà vua lang thang tìm sự khuây khỏa một mình nơi hoang vắng, đã gây lo lắng cho nhiều quan lại trong triều; đến nỗi vào tháng 11 năm Bính Dần [1866], Phó Đô ngự sử là Lê Bá Thận liêu mình tâu kín với nhà vua rằng: “Sông Lợi Nông ở Thuận Trục, bắt thần hoàng thượng đi chơi xem phong tục, xét mùa màng, coi tập võ, tập lao động, cũng là ý khi chơi, khi vui làm phép tắc cho nước chư hầu, những kẻ ngu thần rất lấy làm lo về sự bảo vệ đơn sơ. Vua bảo rằng: Trẫm nhiều khi bị uất, cho nên mượn chỗ ấy để tiêu khiển, lúc đi đều có người theo hầu, không dám khinh thường, chỉ lấy lòng thành thực đãi người, không dám che giấu, tưởng các quan cũng đã tha thứ, không làm một việc gì, sao chịu được uất, không dám chống cự lời can, nhưng chưa được



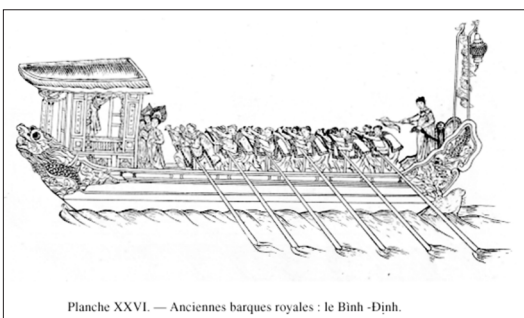
Ảnh 7: Thuyền Tế Thông (濟通).



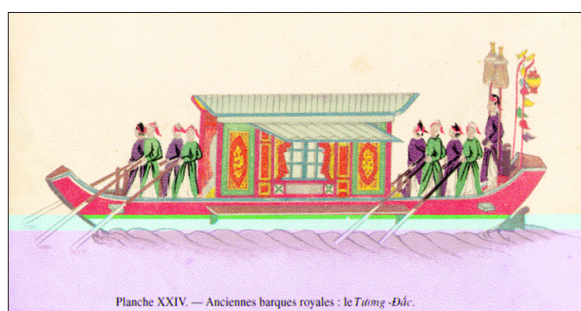
Ảnh 8: Thuyền Yến Dư (燕輿).



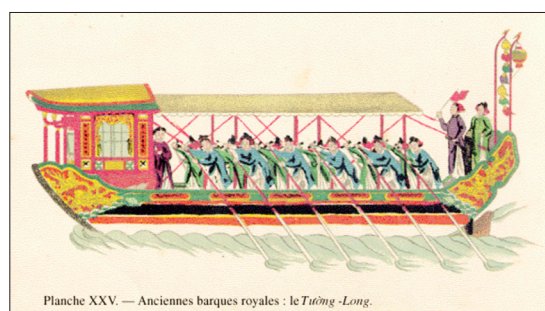
Ảnh 9: Thuyền Tương Đắc (相得).



Ảnh 10: Thuyền Tường Long (翔龍).



Ảnh 11: Thuyền Bình Định (平定).



Ảnh 12: Lê Thuyền (黎船).

Một số thuyền đi sông của hoàng gia và quan quân thời Nguyễn. (Nguồn: Nguyễn Đình Hòe, “Les barques royales et mandarinales dans le vieux Hué”, BAVH., N°3, 7-9/1916, Hué, planche XXV).

rõ, phải bảo đầy thôi, việc gì phải giấu, để cho đời sau bảo là không có quan can ngăn, đã đặt ra quan chỉ mong giúp đỡ, sợ gì mà phải nói kín, chỉ tình có nên khoan thứ, thì trên dưới cũng thế”.⁽⁴⁷⁾

Nhìn chung, các vị vua đầu triều Nguyễn nối tiếp nhau đã biến dòng sông “chết” An Cựu trở thành thủy lộ huyết mạch phía nam của trung tâm quyền lực chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa của vương triều. Con sông đã giúp biến hàng vạn mẫu đất đai thiếu nước ở đôi bờ và vùng đầm lầy ngập mặn ở hạ lưu cửa sông trở thành đồng ruộng phì nhiêu tươi tốt; thúc đẩy sự phát triển đời sống và sinh hoạt dân cư tại các làng mạc trong lưu vực sông ở hai huyện Phú Vang, Hương

Thủy; thay đổi hẳn diện mạo của vùng đất Kinh sư và vùng phụ cận, nơi triều Nguyễn đứng chân.

Nhìn rộng ra, công tác trị thủy, thủy lợi ở lưu vực Sông Hồng có thể xem là một thất bại của thời Nguyễn do không đủ trình độ kỹ thuật và không đáp ứng được yêu cầu về nguồn tài chính, nhân lực; nhưng ngược lại, hệ thống nông giang từ Thanh Hóa đổ vào cho đến kênh Vĩnh Tế ở Tây Nam Bộ giáp Campuchia lại đạt được những thành tựu rất đáng ghi nhận. Riêng tại Thừa Thiên Huế, việc chăm lo hệ thống sông ngòi, kênh mương, đê điều và đặc biệt là con sông An Cựu/Lợi Nông thời Nguyễn dĩ nhiên là một điểm son.

Dòng sông An Cựu/Lợi Nông thực sự đã đi vào lịch sử và trở thành niềm hãnh diện của địa phương, niềm tự hào là một phần tài sản quý báu của quốc gia, được kê tên và chạm hình lên Cửu đỉnh.

Không chỉ vậy, các vua đầu triều Nguyễn còn khôi phục được nhận thức về một dòng sông vốn xuyên suốt, chảy từ bờ nam Sông Hương về đến tận phá Hà Trung - đầm Cầu Hai, nhưng bị “chết” qua nhiều thế kỷ do thiên nhiên biến đổi làm mất sự liên mạch bởi nhiều đoạn bị bồi lấp, rồi bị dân gian gọi ra nhiều tên khác nhau tùy theo vực nước hoặc địa phương. Nhận thức đó là một con sông xuyên suốt, tất cả chỉ là một dòng sông, đã được khẳng định bằng văn bản của nhà nước ngay từ đầu thời Nguyễn, mà những ai còn băn khoăn hãy đọc lại sách do cơ quan Quốc Sử Quán của triều Nguyễn ấn hành: “Sông Lợi Nông ở phía bắc huyện Hương Thủy, cửa sông từ đông-nam xã Phú Xuân ở bờ nam sông Hương, chia chảy chừng 17 dặm qua hành cung Thần Phù, lại 28 dặm qua hành cung Thuận Trực, vào phá Hà Trung”.⁽⁴⁸⁾

Tâm huyết, công sức và sự gắn bó tinh thần với dòng sông An Cựu/Lợi Nông của 4 vị vua đầu triều Nguyễn lớn lao là thế, nhưng vua Tự Đức không thể thắng nổi mệnh trời, qua đời vào 19/7/1883; để rồi đúng hai năm sau, ngày 05/7/1885, kinh đô Huế thất thủ, hậu duệ cuối cùng của nhà nước phong kiến độc lập Nguyễn là vua Hàm Nghi thua trận, phải rời khỏi kinh thành đi kháng chiến để quyết giành lại nền độc lập, nhưng bất thành. Khúc quanh của lịch sử mở ra từ đó, kéo theo sự thăng trầm của cả dân tộc, giang sơn.

Cũng từ đó, số phận của dòng sông An Cựu/Lợi Nông cũng bước sang một ngã rẽ khác. Dưới chế độ thuộc địa của chính quyền thực dân, những vị vua được người Pháp dựng lên đều không còn nắm giữ vị thế ông chủ, mất quyền quản lý tài chính và quyền lực của người đứng đầu bộ máy nhà nước; nên dù chính quyền Bảo hộ vẫn tiếp tục công việc chỉnh trang, đắp đập xây cống ngăn mặn..., dòng sông vẫn bước vào thời kỳ suy thoái do không còn được ưu tiên quan tâm chăm nom ở tầm quốc gia như trước.

N Q T T

CHÚ THÍCH

- (1) Xem bài “Đi tìm diện mạo của một dòng sông cổ: sông An Cựu” cũng trong số báo này.
- (2) Trước năm 1822, phủ Thừa Thiên mang tên là dinh Quảng Đức.
- (3) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Tập I, Tái bản lần thứ hai, Giáo dục, Hà Nội, tr. 881.
- (4) Nội Các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 13, Thuận Hóa, Huế, tr. 200.
- (5) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập I, đã dẫn, tr. 930.
- (6) Henri Cosserat, “La route mandarine de Tourane à Hué”, *BAVH*, N^o1, 1920, p. 7.
- (7) Henri Cosserat, “La route mandarine de Tourane à Hué”, *BAVH*, N^o1, 1920, p. 28.
- (8) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập II, Tái bản lần thứ hai, Giáo dục, Hà Nội, tr. 714.
- (9) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập II, đã dẫn, tr. 115.
- (10) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập II, đã dẫn, tr. 119.
- (11) Tổng hợp từ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập II, đã dẫn và các tập III, IV, V.
- (12) Theo Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 13, đã dẫn, tr. 201, thì đoạn khơi vét này “gồm 17 đoạn cộng dài 447 trượng 1 tấc, phía trên rộng 1 trượng 5 thước, phía dưới rộng 1 trượng 3 thước 2 tấc”.
- (13) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập III, Tái bản lần thứ hai, Giáo dục, Hà Nội, tr. 272.
- (14) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập IV, Tái bản lần thứ hai, Giáo dục, Hà Nội, tr. 709.
- (15) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập V, Tái bản lần thứ hai, Giáo dục, Hà Nội, tr. 375.
- (16) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập IV, đã dẫn, tr. 498-499.
- (17) H. Cosserat, “La route mandarine de Tourane à Hué”, *BAVH*, N^o1, 1920, p. 36.
- (18) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập IV, đã dẫn, tr. 524.
- (19) Dẫn theo bài: “Vua Minh Mạng làm thơ thăm lúa trên sông Lợi Nông”, <http://hueworldheritage.org.vn>, 17/2/2014.
- (20) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập III, đã dẫn, tr. 105.
- (21) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập IV, đã dẫn, tr. 650.
- (22) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập IV, đã dẫn, tr. 884.
- (23) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập V, đã dẫn, tr. 284.
- (24) Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 13, đã dẫn, tr. 46.
- (25) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập V, đã dẫn, tr. 456.
- (26) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 1 (Tái bản lần thứ hai), Thuận Hóa, Huế, tr. 60.
- (27) Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 13, đã dẫn, tr. 48-49.
- (28) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập V, đã dẫn, tr. 652.
- (29) Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 13, đã dẫn, tr. 49.
- (30) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập V, đã dẫn, tr. 526.
- (31) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập V, đã dẫn, tr. 21-22.

- (32) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập VI, Tái bản lần thứ hai, Giáo dục, Hà Nội, tr. 457, 570, 673, 836.
- (33) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập VI, đã dẫn, tr. 673.
- (34) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập VI, đã dẫn, tr. 723.
- (35) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập VI, đã dẫn, tr. 457.
- (36) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 1, đã dẫn, tr. 60.
- (37) Nội Các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 13, đã dẫn, tr. 49.
- (38) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập VIII, Tái bản lần thứ hai, Giáo dục, Hà Nội, tr. 571-572.
- (39) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập VII, Tái bản lần thứ hai, Giáo dục, Hà Nội, tr. 426.
- (40) Jules Léon Dutreuil de Rhins (1889), *Le royaume d'Annam et les Annamites: journal de voyage*, Librairie Plon, Paris, p. 173-175.
- (41) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập VII, đã dẫn, tr. 834.
- (42) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập VII, đã dẫn, tr. 1050.
- (43) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập VIII, đã dẫn, tr. 464.
- (44) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập VII, đã dẫn, tr. 428.
- (45) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập VII, đã dẫn, tr. 476.
- (46) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập VII, đã dẫn, tr. 1260.
- (47) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập VII, đã dẫn, tr. 1033.
- (48) Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 1, đã dẫn, tr. 167.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Frédéric Baille (1898), *Les Annamites*, Plon, Paris.
2. Henri Cosserat, "La route mandarine de Tourane à Hué", *BAVH*, N°1, 1-3/1920, Hué.
3. John Crawfurd (1830), *Journal of an embassy from the Governor-general of India to the courts of Siam and Cochin-China*, Second Edition, Vol. II, Henry Colburn and Richard Bentley, London.
4. H. Délétie, "Ponts, pagodes et pagodons", *BAVH*, N°2, 4-6/1922, Hué.
5. Léon Xavier Girod (1903), *Souvenirs franco-tonkinois: 1879-1886*, Desclée - de Brouwer et C^{ie}, Paris.
6. Nguyễn Đình Hòe, "Les barques royales et mandarinales dans le vieux Hué", *BAVH*, N°3, 7-9/1916, Hué.
7. Lucien Lanier (1893), *L'Asie: Choix de Lectures de Géographie* - 2^e Édition revue et corrigée, Belin Frères, Paris.
8. *Le Monde Illustré*, N°1431, 30/8/1884, Paris.
9. Nội Các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 13, Thuận Hóa, Huế.
10. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 1 (Tái bản lần thứ hai), Thuận Hóa, Huế.
11. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Tập I, Tái bản lần thứ hai, Giáo dục, Hà Nội.

12. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập II, Tái bản lần thứ hai, Giáo dục, Hà Nội.
13. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập III, Tái bản lần thứ hai, Giáo dục, Hà Nội.
14. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập IV, Tái bản lần thứ hai, Giáo dục, Hà Nội.
15. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập V, Tái bản lần thứ hai, Giáo dục, Hà Nội.
16. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập VI, Tái bản lần thứ hai, Giáo dục, Hà Nội.
17. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập VII, Tái bản lần thứ hai, Giáo dục, Hà Nội.
18. Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục*, Tập VIII, Tái bản lần thứ hai, Giáo dục, Hà Nội.
19. Jules Léon Dutreuil de Rhins (1889), *Le royaume d'Annam et les Annamites: journal de voyage*, Librairie Plon, Paris.

TÓM TẮT

Trong số các con sông ở khu vực Huế và phụ cận, sông An Cựu có một lịch sử hình thành và phát triển hết sức đặc biệt, ngay cả tên gọi của dòng sông với 12 cái tên cũng là một hiện tượng vô cùng hy hữu. Không những thế, từ Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị đến Tự Đức, các vua đầu triều Nguyễn thường xuyên thể hiện sự quan tâm chăm lo công tác thủy lợi và gắn bó mật thiết với con sông, cả trong sản xuất và sinh hoạt đời sống, suốt thời gian trị vì của mình.

Tâm huyết, công sức và sự gắn bó tinh thần với dòng sông An Cựu của 4 vị vua đầu triều Nguyễn là một điểm son trong công tác thủy lợi ở vùng kinh kỳ; nhưng đến năm 1885, kinh đô Huế thất thủ, chủ quyền độc lập dân tộc không còn, số phận của dòng sông An Cựu cũng bước sang một ngã rẽ khác.

Dưới chế độ thuộc địa, dù chính quyền Bảo hộ vẫn tiếp tục công việc chỉnh trang, đắp đập xây cống ngăn mặn..., dòng sông An Cựu vẫn bước vào thời kỳ suy thoái do không còn được ưu tiên quan tâm chăm nom ở tầm quốc gia như trước.

ABSTRACT

FROM AN CỰU TO LỢI NÔNG RIVER:

AN OUTSTANDING POINT IN IRRIGATION UNDER THE NGUYỄN DYNASTY

Among the rivers in Huế and the surrounding areas, An Cựu River has a very special history of formation and development, even 12 names of the river is a very rare phenomenon. Moreover, under the reigns of Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị and Tự Đức, these kings often took care of irrigation work and closely associated with the river, both in production and life, during their reigns.

The enthusiasm, efforts and the spiritual attachment to An Cựu River of 4 early kings of the Nguyễn Dynasty are an outstanding point in irrigation work in the capital city; but in 1885, after the fall of the capital city of Huế and the loss of national sovereignty, the fate of An Cựu River also changes.

Under the colonial regime, although the French protectorate in Annam continued to renew, build dams and drainpipes to prevent saline water, An Cựu river has still degraded because it was no longer given priority to be taken care at the national level as before.